

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM TRỰC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 71/2020/HS-ST
Ngày 11/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Duy Toán

Bà Lê Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện VKS nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 56/2020/HS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 71/2020/QĐXX-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đoàn Tất T**; sinh năm 1967; nơi ĐKNKTT, nơi ở: Xóm 20, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Trình độ văn hóa: 10/10; Nghề nghiệp khi phạm tội: Là trưởng xóm 20, xã N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Đảng viên Đảng CSVN bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 30/6/2020; Con ông: Đoàn Văn Đ(đã chết); Con bà: Đinh Thị L(đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Bị cáo có 3 con lớn sinh năm 1990, nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 17/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Đoàn Ngọc K**, sinh năm 1956; Nơi ĐKNKTT, nơi ở: Xóm 20, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Trình độ văn hóa: 9/10; Nghề nghiệp khi phạm tội: Là bí thư chi bộ xóm 20, xã N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Đảng viên Đảng CSVN bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 30/6/2020; Con ông: Đoàn Văn T, sinh năm 1933; Con bà: Trần Thị H(đã chết); Có vợ: Nguyễn Thị M; sinh năm 1959; Bị cáo có 3 con lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1992;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/6/2020 đến ngày 17/7/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm: 1960

Địa chỉ: Xóm 20, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người làm chứng:

- Bà Đoàn Thị M, sinh năm: 1975(có chồng là Phan Văn D)
- Chị Đoàn Thị H, sinh năm: 1992(có chồng là anh Nguyễn Văn N)
- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976
- Ông: Tăng Tiến L, sinh năm: 1952
- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm: 1972
- Anh Lê Văn C

Người đại diện theo ủy quyền của anh C:

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1954

(Tại phiên tòa, bà M, bà H, anh T vắng mặt; ông L, anh K, ông Đ, ông Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp. Trên cơ sở thực hiện Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 30/8/2011 của UBND tỉnh Nam Định và Kế hoạch số 37/KH – UB ngày 8/11/2011 của UBND huyện Nam Trực, Nghị quyết số 07-NQ/ĐU ngày 22/11/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ xã N về tiếp tục dồn điền, đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp, ngày 6/12/2011 UBND xã N ban hành đề án số 82/ĐA-UBND về kế hoạch dồn điền, đổi thửa, thành lập tiểu Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, đề án và triển khai việc dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã N. Theo hướng dẫn, chỉ đạo của UBND xã N, các xóm trên địa bàn xã xây dựng phương án dồn điền đổi thửa dựa trên thực trạng quản lý, sử dụng đất nông nghiệp của xóm để UBND xã N phê duyệt thông qua. Trên cơ sở phương án dồn điền đổi thửa được UBND xã phê duyệt, ngày 28/8/2013 xóm 20, xã N xây dựng phương án số 20 về việc dồn điền đổi thửa trong sản xuất nông nghiệp để trình UBND xã N. Được sự cho phép của UBND xã, chi bộ xóm 20 do bị cáo Đoàn Ngọc K nguyên là bí thư chi bộ chủ trì cuộc họp đã thành lập tiểu ban dồn điền đổi thửa cơ sở xóm 20 gồm 10 thành viên do bị cáo Đoàn Ngọc K làm trưởng ban, bị cáo Đoàn Tất T trưởng xóm 20 làm phó ban, và các thành viên trong tiểu ban dồn điền đổi thửa là đại diện Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn thanh niên, Ban công tác Mặt trận, phó xóm và xã viên. Tiểu ban dồn điền có nhiệm vụ tổng hợp lại diện tích đất nông nghiệp của các hộ đang sử dụng ở các xứ đồng, sau đó họp lên phương án công khai trước nhân dân. Các hộ nhân dân họp, thống nhất phương án mỗi hộ đóng góp vào quỹ đất công của xã là 7m²/sào và đóng góp cho xóm 20 làm đường nội đồng, nương thủy lợi là 7,5 m²/sào. Trên cơ sở phương án, tiểu Ban dồn

điền đổi thửa tổ chức bốc thăm chia đất ruộng cho các hộ nhân dân nhận đất tại các xứ đồng theo danh sách, các hộ nhân dân nhận đủ diện tích và không ai có thắc mắc ý kiến gì.

Trong quá trình dồn điền đổi thửa còn dư một số diện tích đất, vì không có kinh phí hoạt động thực hiện việc dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng nên tại cuộc họp chi bộ và họp dân, bị cáo Đoàn Tất T đã đề xuất với bị cáo Đoàn Ngọc K chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng thuộc quyền quản lý của UBND xã N cho các hộ nhân dân để lấy tiền làm kinh phí, bị cáo Đoàn Ngọc K nhất trí. Vì vậy sau khi dồn điền đổi thửa xong từ tháng 11/2013 đến tháng 01/2016 các bị cáo đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất ruộng cho những hộ sau: Ngày 04/11/2013, các bị cáo, ông Đoàn Xuân Đ và ông Đoàn Xuân N ký vào biên bản chuyển nhượng trái phép cho hộ anh Phan Văn D với diện tích 673 m² đất ruộng trong thửa 3761 tờ bản đồ số 07 với số tiền là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, vào ngày 05/12/2013, các bị cáo làm biên bản mua bán đất với hộ ông Nguyễn Văn N với diện tích là 2.293 m² nằm trong thửa 3737 và 3738 tờ bản đồ số 07 với số tiền 55.000.000 đồng; Ngày 10/12/2013, bị cáo T viết giấy chuyển nhượng trái phép ruộng cho hộ ông Nguyễn Văn T với diện tích 247 m² đất ruộng trong thửa 3742, 3752 tờ bản đồ số 07 số tiền là 9.000.000 đồng. Cũng trong năm 2013 (bị cáo không nhớ ngày tháng), bị cáo Thành đã chuyển nhượng trái phép cho hộ ông Tăng Tiến L với diện tích 400 m² đất ruộng (của UBND xã N quản lý) trong thửa 3139 tờ bản đồ số 07 số tiền là 5.000.000 đồng. Việc mua bán giữa bị cáo T và ông L không có giấy tờ, văn bản gì và ngày 20/01/2016 bị cáo T làm biên bản giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn K với diện tích là 480 m² đất ruộng trong thửa 4459 tờ bản đồ số 09 số tiền là 3.000.000 triệu đồng. Sau khi bán đất cho ông K xong, bị cáo T báo cáo cho Đoàn Ngọc K nắm được. Tổng số diện tích đất các bị cáo bán đất ruộng thuộc quyền quản lý của UBND xã N cho các hộ dân nêu trên là 4.093 m² được tổng số tiền 80.000.000đ. Các bị cáo đã đưa cho Chi hội phụ nữ xóm 20 số tiền 4.200.000 đồng để chi cho hoạt động của hội, số tiền còn lại là 75.800.000 đồng đã chi cho việc dồn điền đổi thửa (trả tiền máy xúc, công bị, công đắp bờ...).

Ngày 29/6/2020 Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực đã tiến hành khám xét nơi ở của Đoàn Tất T và Đoàn Ngọc K thu giữ vật chứng là những tài liệu, sổ sách liên quan đến hành vi phạm tội: Thu tại nhà ở của bị cáo T gồm: 01 biên bản giao ruộng viết tay ngày 12/7/2014; 01 biên bản giao ruộng viết tay ngày 28/01/2014; 01 quyển giấy kẻ ngang ghi tổng diện tích đất hai lúa cơ sở xóm 20, có 03 tờ được đánh số thứ tự từ 01 đến 03; 01 quyển sổ tổng diện tích chiêm mùa bên trong có đánh dấu thứ tự số tờ từ 01 đến 12; 01 đơn xin mua ruộng phụ nữ ngày 02/11/2013 của hộ ông Phan Văn D. Thu tại nhà ở của bị cáo K gồm: 01 tờ biên bản hợp đồng máy xúc viết tay ghi ngày 29/11/2013; 01 quyển sổ kẻ ngang bên trong có dấu của Đảng ủy xã N ở từng tờ có đánh số thứ tự từ 01 đến 33.

Tại bản kết luận định giá số 17/KLĐG ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Trực kết luận: Giá trị của mảnh đất ruộng với diện tích là 673 m² trong thửa 3761 tờ bản đồ số 07 tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 33.650.000 đồng. Giá trị của mảnh đất ruộng với diện tích là 2.293 m² trong thửa 3737 và

3738 tờ bản đồ số 07 tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 114.650.000 đồng. Giá trị của mảnh đất ruộng với diện tích là 247 m² trong thửa 3742 và 3752 tờ bản đồ số 07 tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 12.350.000 đồng. Giá trị của mảnh đất ruộng với diện tích là 480 m² trong thửa 4459 tờ bản đồ số 09 tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 24.000.000 đồng. Giá trị của mảnh đất ruộng với diện tích là 400 m² trong thửa 3139 tờ bản đồ số 09 tại thời điểm xảy ra vụ việc là: 24.000.000 đồng. Tổng cộng diện tích là 4093 m² bằng tổng số tiền 204.650.000 đồng.

Quá trình trình làm việc các bị cáo đã tự nguyện nộp mỗi người 40.000.000 đồng để trả lại cho các hộ dân mua đất. Các hộ dân đã nhận chuyển nhượng tự nguyện trả lại đất mà nhận chuyển nhượng trái phép cho UBND xã N và không yêu cầu bồi thường gì

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Trực các bị can đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 59/CT-VKS ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố các bị cáo Đoàn Tất T, Đoàn Ngọc K về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ” theo khoản 1 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Đoàn Tất T, Đoàn Ngọc K về tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”

Căn cứ khoản 1 Điều 282; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đoàn Tất T từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 282; điểm b, p, s khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt Đoàn Văn K từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Đề nghị Công an huyện Nam Trực xử lý hành chính đối với ông Đoàn Văn Đ theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất ân hận thành khẩn khai báo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bà Đoàn Thị M có chồng là Phan Văn D, chị Đoàn Thị H có chồng là anh Nguyễn Văn N, anh Nguyễn Văn T, ông Tăng Tiến L, anh Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn Đ đã trả lại phần diện tích đất nhận chuyển nhượng trái phép và nhận toàn bộ số tiền mua bán từ các bị cáo, không ai có yêu cầu gì. Vì vậy, xác định họ là người làm chứng trong vụ án.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản khám xét ngày 29/6/2020; Kết luận định giá số 17/KLĐG ngày 17/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Nam Trực, Biên bản ghi lời khai của bà Đoàn Thị M, chị Đoàn Thị H, anh Nguyễn Văn T, ông Tăng Tiến L, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn Đ, ông Đoàn Văn Đ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2013 đến tháng 01/2016, bị cáo K với trách nhiệm là Trưởng tiểu ban đồn điền đổi thửa xóm 20, xã N và bị cáo T với trách nhiệm là Phó tiểu ban đồn điền đổi thửa xóm 20, xã N để có tiền chi cho các hoạt động đồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng và các hoạt động của xóm các bị cáo đã vượt quá quyền hạn, chức vụ của mình làm trái công vụ, tự ý chuyển nhượng trái phép quyền sử dụng 4093 m² đất ruộng thuộc quyền quản lý của UBND xã N cho 05 hộ nhân dân, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước 204.650.000 đồng. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; làm mất uy tín, mất lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi mình thực hiện là sai trái, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm quyền trong thi hành công vụ”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 282 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Riêng bị cáo Đoàn Ngọc K có thành tích tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang, bị cáo bị ảnh hưởng của chất độc da cam nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Đoàn Ngọc K là Bí thư chi bộ đồng thời Trưởng tiểu ban đồn điền đổi thửa đã đồng ý cho bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Đoàn Tất T là người thực hành tích cực. Vì vậy, các bị cáo có vai trò như nhau trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Căn cứ vào hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội không vì động cơ vụ lợi cá nhân mà vì tập thể đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt. Nhưng hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng lòng tin của nhân dân vào Đảng và Nhà nước

nên cần xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Đối với ông Nguyễn Tài Đ nguyên Chủ tịch UBND xã N nhiệm kỳ từ năm 2010 - 2015 ngày 08/10/2015 đã chết nên không xem xét trách nhiệm có liên quan của ông Nguyễn Tài Đ trong vai trò người đứng đầu cơ quan quản lý về lĩnh vực đất đai của xã N. Ông Nguyễn Văn N là Phó chủ tịch UBND xã N giai đoạn từ năm 2005 đến năm 2015, ông Trần Xuân T là cán bộ địa chính xã từ tháng 11/2011 đến tháng 6/2020, không được bị cáo Đoàn Tất T và Đoàn Ngọc K báo cáo về quỹ đất công còn thừa sau dồn điền đổi thửa mà tự ý chuyển nhượng trái phép cho các hộ dân, nên ông Nhự và ông T không nắm được. Đối với ông Đoàn Xuân N là thành viên trong ban dồn điền đổi thửa cùng ký vào biên bản chuyển nhượng đất cho hộ ông Phan Văn D là do Đoàn Tất T chỉ đạo và ký sau khi bị cáo Thành đã chuyển nhượng đất cho ông D, ông N không biết được việc chuyển nhượng của T, ông K. Vì vậy, hành vi của ông N chưa đến mức truy cứu trách nhiệm không xem xét xử lý.

[7] Đối với ông Đoàn Văn Đ là thủ quỹ của tiểu ban dồn điền đổi thửa xóm 20, có tham gia viết văn bản chuyển nhượng do chỉ đạo của bị cáo T, không tham gia họp Chi bộ mở rộng, không biết việc các bị cáo K và T bán đất trái quy định của pháp luật. Tuy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng cần kiến nghị công an huyện Nam Trực xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với ông Đoàn Văn Đ là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã trả lại phần diện tích đất nông nghiệp nhận chuyển nhượng trái phép cho UBND xã N. Các bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền mà các hộ dân bỏ ra để mua đất đồng thời không ai có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, ông Đài có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đoàn Tất T, Đoàn Ngọc K phạm tội “Lạm quyền trong khi thi hành công vụ”

2. Căn cứ khoản 1 Điều 282; điểm b, p khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đoàn Tất T 11(Mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt đi thi hành án và được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 19 ngày (Từ ngày 29/6/2020 đến ngày 17/7/2020)

3. Căn cứ khoản 1 Điều 282; điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Đoàn Ngọc K 09(Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt đi thi hành án và được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 19 ngày(Từ ngày 29/6/2020 đến ngày 17/7/2020)

4. Đề nghị Công an huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xem xét, đề xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đoàn Văn Đ theo qui định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

5. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QLVN liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ + VP.

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Nghĩa An;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**